

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai phân bổ vốn sự nghiệp năm 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh về cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai bổ sung dự toán NSNN năm 2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; các trưởng, phó trưởng phòng nghiệp vụ và công chức, người lao động thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- KBNN Khu vực XIV (VBĐT);
- Lưu: VT, KT, VP.

GIÁM ĐỐC

Chamaléa Thị Thủy

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hòa

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1134473

Chương: 483

(Kèm theo Quyết định số 83 /QĐ-SDTTG ngày 17/10/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Khánh Hoà)

ĐVT: đồng

Nội dung	Tổng số	NSTW	NS tỉnh
Dự toán chi ngân sách nhà nước			
Tổng số phân bổ vốn sự nghiệp	320.800.000	163.970.255	156.829.745
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 280 – khoản 338)	53.200.000	21.581.175	31.618.825
Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTT&MN (mã số 10513)	21.581.175	21.581.175	
Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTT&MN (mã số 20513)	31.618.825		31.618.825
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 070 – khoản 085)	14.200.000	14.200.000	
Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp (mã số 10515)	14.200.000	14.200.000	
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 160 – khoản 171)	72.000.000	54.000.000	18.000.000
Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTD&MN giai đoạn 2021-2030 (mã số 10521)	54.000.000	54.000.000	

Nội dung	Tổng số	NSTW	NS tỉnh
Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 (mã số 20521)	18.000.000		18.000.000
Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: (Nguồn 12 – Chương 483 – Loại 370 – khoản 398)	181.400.000	74.189.080	107.210.920
Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN (mã số 10519)	74.189.080	74.189.080	
Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN (mã số 20519)	107.210.920		107.210.920